

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2018/DS-PT

Ngày 17-7-2018

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**.

Các Thẩm phán:

1. Ông **Hồ Dương Liêm**;

2. Bà **Trần Thị Kim Sang**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Bùi Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà **Đặng Thị Châu**, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2016/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2018/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Th A**, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp L, xã Lộc N, huyện D, tỉnh Tây Ninh; (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Đặng Thị Kim H (T)**, sinh năm 1960. Địa chỉ: nhà số 234, ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh; (có mặt).

3. *Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn – bà Phạm Thị Đ (đã hủy bỏ ủy quyền bằng văn bản ngày 28/7/2016).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Phạm Th A trình bày: Do quen biết nhau nên ngày 30-5-2012 bà H mượn bà 96.500.000 đồng và hẹn 03 tháng sau trả. Đến ngày 30-10-2012, bà H trả 29.000.000 đồng, còn nợ lại 67.500.000 đồng. Sau đó bà tiếp tục

đòi nợ nhiều lần nhưng bà H xin hẹn nợ. Đến ngày 30-01-2015, bà H viết giấy nhận nợ 67.500.000 đồng giao cho bà giữ nhưng đến nay vẫn không trả nợ.

Nay bà yêu cầu bà H có nghĩa vụ trả cho bà 67.500.000 đồng tiền nợ gốc và 6.581.250 đồng tiền lãi vay (tính từ ngày 30-01-2015 đến 01-3-2016); tổng cộng là 74.081.250 đồng. Đối với khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 02-3-2016 đến nay, bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn, bà Đặng Thị Kim H trình bày: Bà có vay tiền của bà A nhiều lần; hiện tại bà còn nợ bà A 67.500.000 đồng, nhưng đây là số tiền lãi vay của khoản tiền nợ gốc 208.000.000 đồng mà bà đã vay của bà A từ năm 2011, cụ thể:

- + Ngày 20-01-2011, vay 100.000.000 đồng;
- + Ngày 31-01-2011, vay 50.000.000 đồng;
- + Ngày 28-03-2011, vay 38.000.000 đồng;
- + Ngày 22-12-2011, vay 20.000.000 đồng.

Là chỗ bạn bè thân nhau nên thỏa thuận trả nợ gốc trước, tiền lãi trả sau; với mức lãi suất là 4% và 6%/tháng, tùy thuộc vào thời hạn vay.

Đến ngày 20-04-2012, bà A tính tiền lãi như sau:

+ $100.000.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ tháng (từ ngày 20-01-2011 đến 20-4-2012)} \times 04\%/\text{tháng} = 60.000.000 \text{ đồng}.$

+ $50.000.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ tháng (từ ngày 20-01-2011 đến 20-4-2012)} \times 04\%/\text{tháng} = 30.000.000 \text{ đồng}.$

+ $38.000.000 \text{ đồng} \times 13 \text{ tháng (từ ngày 28-3-2011 đến 20-4-2012)} \times 04\%/\text{tháng} = 19.760.000 \text{ đồng}.$

+ $20.000.000 \text{ đồng} \times 03 \text{ tháng (từ 22-12-2011 đến 20-4-2012)} \times 04\%/\text{tháng} = 2.400.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng tiền lãi vay là 112.160.000 đồng (bà A tính tròn số tiền là 112.000.000 đồng).

Do đó, tổng cộng bà phải trả cho bà A là 320.000.000 đồng (nợ gốc 208.000.000 đồng và 112.000.000 đồng tiền lãi vay).

Từ ngày vay tiền đến ngày 20-4-2012, bà đã trả cho bà A được 17.000.000 đồng tiền lãi vay và 14.500.000 đồng (trừ tiền xe dịch vụ do bà A thuê); tổng cộng là 31.500.000 đồng.

Đến ngày 30-5-2012, bà đã trả cho bà A 208.000.000 đồng tiền nợ gốc, nên tiền lãi còn nợ lại bà A, cụ thể như sau: 320.000.000 đồng – 208.000.000 đồng – 31.500.000 đồng = 80.500.000 đồng.

Ngày 30-10-2012, bà tiếp tục trả cho bà A 29.000.000 đồng tiền lãi, nên còn nợ 51.500.000 đồng.

Sau đó, bà A tiếp tục tính tiền lãi vay (từ 20-4-2012 đến 30-5-2012) cộng dồn thêm là 16.000.000 đồng (cách tính, mức lãi suất bao nhiêu do bà A tự tính và bà cũng không hỏi bà A); nên số tiền lãi vay còn nợ là 51.500.000 đồng + 16.000.000 đồng = 67.500.000 đồng và bà A lấy số tiền lãi vay này khởi kiện, nên bà không chấp nhận yêu cầu của bà A.

Nay bà yêu cầu tính tiền lãi lại theo quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Số tiền vay 100.000.000 đồng (tính từ ngày 20-01-2011 đến ngày 30-5-2012) là 16 tháng 10 ngày, với số tiền lãi là: $100.000.000 \times (9\%/12 \times 150\%) \times 16$ tháng 10 ngày = 18.371.250 đồng.

+ Số tiền vay 50.000.000 đồng (tính từ ngày 31-01-2011 đến ngày 30-5-2012) là 16 tháng, với số tiền lãi là: $50.000.000 \times (9\%/12 \times 150\%) \times 16$ tháng = 6.000.000 đồng.

+ Số tiền vay 38.000.000 đồng (tính từ ngày 28-3-2011 đến ngày 30-5-2012) là 14 tháng 3 ngày, với số tiền lãi là: $38.000.000 \times (9\%/12 \times 150\%) \times 14$ tháng 3 ngày = 4.018.500 đồng.

+ Số tiền vay 20.000.000 đồng (tính từ ngày 22-12-2011 đến ngày 30-5-2012) là 05 tháng 08 ngày, với số tiền lãi là: $20.000.000 \times (9\%/12 \times 150\%) \times 05$ tháng 08 ngày = 790.500 đồng.

Tổng cộng số tiền lãi vay bà phải trả cho bà A theo quy định của pháp luật tính (tính từ ngày 20-01-2011 đến ngày 30-5-2012) là: 18.371.250 + 6.000.000 + 4.018.500 + 790.500 = 29.180.250 đồng.

Số tiền lãi bà đã đóng tiền lãi dư cho bà A là: 60.500.000 đồng – 29.180.250 đồng = 31.319.750 đồng.

Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A. Đồng thời, bà có phản tố yêu cầu bà A có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền 31.319.750 đồng là tiền lãi mà bà đã trả dư cho bà A.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phạm Thị Đ (là người đại diện theo ủy quyền của bà H) thay đổi yêu cầu phản tố; cụ thể: Bà H yêu cầu bà A có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền lãi mà bà H đã trả dư cho bà A là 27.602.750 đồng (*60.500.000 đồng là tiền lãi đã đóng cho bà A – 32.897.250 đồng là tiền lãi tính theo quy định của pháp luật = 27.602.750 đồng*).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2016/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Áp dụng Điều 471, 474, 476 Bộ Luật Dân sự; Điều 131, 176 Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Th A đối với bà Đặng Thị Kim H về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Bà Đặng Thị Kim H có trách nhiệm trả cho bà Phạm Th A số tiền mượn còn nợ là 74.081.250 (bảy mươi bốn triệu, không trăm tám mươi một ngàn, hai

trăm năm mươi) đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 67.500.000 đồng, tiền lãi là 6.581.250 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị Kim H đối với bà Phạm Th A về việc yêu cầu bà A trả lại số tiền lãi đóng dư là 27.602.750 (hai mươi bảy triệu, sáu trăm lẻ hai ngàn, bảy trăm năm mươi) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 14-6-2016, bà Phạm Thị Đ (là người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Kim H) có đơn kháng cáo, với nội dung: Không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đặng Thị Kim H trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Đ (là người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thị Kim H); giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Giữa bà Phạm Th A với bà Đặng Thị Kim H có mối quan hệ quen biết nhau, nên ngày 30-5-2012 bà H mượn bà A 96.500.000 đồng; hẹn 03 tháng sau trả. Đến ngày 30-10-2012, bà H trả 29.000.000 đồng, còn nợ lại 67.500.000 đồng. Nay bà A yêu cầu bà H trả 67.500.000 đồng tiền nợ gốc và 6.581.250 đồng tiền lãi vay (tính từ ngày 30-01-2015 đến 01-3-2016); tổng cộng là 74.081.250 đồng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H thừa nhận còn nợ bà A 67.500.000 đồng, nhưng bà H cho đây là số tiền lãi vay của khoản tiền nợ gốc 208.000.000 đồng mà bà H đã vay của bà A từ năm 2011. Nay bà H không đồng ý trả nợ cho bà A; đồng thời, bà H phản tố yêu cầu bà A trả lại cho bà H 27.602.750 đồng là khoản tiền lãi mà bà H đã trả dư cho bà A.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: ngày 30-5-2012 bà A cho bà H mượn 96.500.000 đồng, đến ngày 30-10-2012, bà H trả được 29.000.000 đồng. Ngày 30-01-2015, bà H viết giấy nhận nợ bà A số tiền 67.500.000 đồng. Tại bản tự khai ngày 21/3/2016 (bút lục 15); Biên bản lấy lời khai ngày 21/3/2016 (bút lục 16) và Biên bản hòa giải 22/3/2016 (bút lục 19, 20), bà H đều xác nhận “*có nợ của bà A 67.500.000 đồng ; tôi đồng ý trả cho bà A....*”; nên cấp sơ thẩm buộc bà H có nghĩa vụ

trả cho bà A 67.500.000 đồng tiền nợ gốc và 6.581.250 đồng tiền lãi vay, là có căn cứ.

Đối với khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 02-3-2016 đến nay, bà A không yêu cầu tính lãi nên cần ghi nhận.

[4] Bà H có phản tố yêu cầu bà A trả lại cho bà H số tiền 27.602.750 đồng là khoản tiền lãi mà bà H đã trả dư cho bà A. Xét thấy, các chứng từ bà H xuất trình không thể hiện ngày tháng; có sửa chữa, ghi thêm; việc bà H diễn giải đây là tiền lãi nhưng không phù hợp với các chứng cứ khác và không được bà A thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của bà H.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Xét kháng cáo của bà H cho rằng: không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm, nhưng bà H không đưa ra được chứng cứ mới chứng minh cho lời trình bày của mình, nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; do không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị Kim H nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Tại Công văn số 420/CCTHA ngày 05-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Tây Ninh xác nhận (tính đến thời điểm ngày 05-7-2018), kết quả thi hành Bản án số 200/2016/DS-PT ngày 01-9-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh: bà Đặng Thị Kim H (T) đã thi hành phần án phí được số tiền 1.380.137 đồng (kết chuyển từ tiền tạm ứng án phí và bà H trực tiếp nộp); nên cần khấu trừ phần án phí cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị Kim H;
3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2016/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh.
4. Áp dụng các điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015;
5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Th A đối với bà Đặng Thị Kim H về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Đặng Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Th A số tiền 74.081.250 (bảy mươi bốn triệu, không trăm tám mươi một ngàn, hai trăm năm mươi) đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 67.500.000 đồng tiền và 6.581.250 đồng tiền lãi vay (tính từ ngày 30-01-2015 đến 01-3-2016).

Ghi nhận bà Phạm Th A không yêu cầu bà Đặng Thị Kim H trả tiền lãi phát sinh thêm tính từ ngày 02-3-2016 đến ngày xét xử phúc thẩm 17-7-2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đặng Thị Kim H đối với bà Phạm Th A, về việc bà H yêu cầu bà A trả lại cho bà H số tiền 27.602.750 đồng, là khoản tiền lãi mà bà H cho rằng đã trả dư cho bà A.

6. Án phí:

Bà Đặng Thị Kim H phải chịu 5.084.200 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; tổng cộng là 5.384.200 (năm triệu, ba trăm tám mươi bốn ngàn, hai trăm) đồng. Ghi nhận bà Đặng Thị Kim H (T) đã thi hành phần án phí được số tiền 1.380.137 đồng (kết chuyển từ tiền tạm ứng án phí và bà H trực tiếp nộp); nên bà H còn phải nộp số tiền án phí là 4.004.000 (bốn triệu, không trăm lẻ bốn ngàn) đồng.

Hoàn trả cho bà Phạm Th A 1.865.500 (một triệu, tám trăm sáu mươi lăm ngàn, năm trăm) đồng, tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo Biên lai thu số: 0013759 ngày 15-3-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Tây Ninh.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh TN;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Tuấn